

**GIÁ TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN**

**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHƯƠNG PHÁP KẾT HỢP CÁC MẶT ĐỐI LẬP ĐỂ GIẢI QUYẾT MÂU THUẪN XÃ HỘI**

**ĐOÀN THẾ HÙNG (\*)**

*Tư tưởng Hồ Chí Minh về phương pháp kết hợp các mặt đối lập là một phần quan trọng trong phương pháp biện chứng Hồ Chí Minh. Đó là sự kết hợp giữa cái bất biến với cái khả biến, giữa tính kiên định về nguyên tắc với tính mềm dẻo, linh hoạt về sách lược; lấy cái đại đồng để khắc phục cái tiểu dị; đi từ dân tộc đến giai cấp nhằm mục tiêu đại đoàn kết toàn dân tộc, phân hóa và cô lập kẻ thù, giành thắng lợi cho dân tộc từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Phương pháp kết hợp các mặt đối lập của Hồ Chí Minh có ý nghĩa hết sức to lớn đối với công cuộc đổi mới của chúng ta trong bối cảnh quốc tế đang có những bước chuyển biến nhanh chóng và phức tạp như hiện nay.*

Quán triệt sâu sắc tinh thần biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo, linh hoạt vào giải quyết các mâu thuẫn xã hội nảy sinh trong từng thời kỳ cách mạng, đưa cách mạng Việt Nam vững bước đi lên giành thắng lợi. Nhờ đó, giải quyết mâu thuẫn xã hội đã thực sự trở thành nghệ thuật trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn chú ý đến tính phổ biến của mâu thuẫn trong các sự vật, sự việc và quá trình. Người cho rằng, cái gì cũng có mâu thuẫn, như có biến âm, biến dương, có sinh có tử, có quá khứ và có hiện tại, có mới có cũ..., đó là những mâu thuẫn trong mọi sự vật. Mâu thuẫn tồn tại khách quan nên phải giải quyết và lựa chọn phương pháp giải quyết phù hợp. Muốn

vậy, phải biết phân tích các mâu thuẫn để phân loại, xem xét diễn tiến của mâu thuẫn; từ đó, có cách giải quyết thích hợp. Trong đấu tranh giải phóng dân tộc và đấu tranh giai cấp, có nhận thức đúng mâu thuẫn mới xác định rõ đâu là kẻ thù và đâu là bạn đồng minh. Nhờ xác định và phân loại đúng mâu thuẫn một cách khách quan, khoa học nên Hồ Chí Minh luôn vạch ra được phương pháp giải quyết phù hợp và từ đó, huy động được những lực lượng cần thiết để giải quyết mâu thuẫn kịp thời, đúng đắn, hiệu quả cho mọi giai đoạn cách mạng.

Nghệ thuật giải quyết mâu thuẫn xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh được kế thừa trực tiếp từ tư tưởng của chủ

(\*) Tiến sĩ, Khoa Lý luận Chính trị - Hành chính, Trường Đại học Quy Nhơn.



nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là tư tưởng của V.I.Lênin về *kết hợp các mặt đối lập* để giải quyết mâu thuẫn trong kinh tế cũng như trong các quan hệ xã hội. "Hình ảnh Hồ Chí Minh đã hoàn chỉnh với sự kết hợp đức khôn ngoan của Phật, lòng bác ái của Chúa, triết học của Mác, thiên tài cách mạng của Lênin và tình cảm của một người chủ gia tộc, tất cả bao bọc trong một dáng dấp rất tự nhiên"(1). Từ cơ sở chung ấy, bằng phương pháp tư duy linh hoạt, mềm dẻo, kết hợp với biện chứng truyền thống theo kiểu phương Đông đã giúp Hồ Chí Minh phát hiện mâu thuẫn và tìm ra phương thức giải quyết thích hợp, chèo lái con thuyền cách mạng đi đến bến bờ thành công.

Xuất phát từ đặc điểm văn hóa - xã hội, từ quan hệ giữa các giai tầng trong lịch sử dân tộc ta và nhằm giải quyết các mâu thuẫn xã hội ở trong đó, Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh chữ *đồng* và hạn chế khai thác những *đị biệt* giữa các mặt đối lập. Chữ *đồng* trong tư tưởng Hồ Chí Minh bao hàm một nội dung hết sức phong phú, sinh động và biện chứng - đó là đồng bào, đồng tâm, đồng lòng, đồng mục tiêu, đồng lý tưởng, đồng lợi ích... Trong bài *Gửi đồng bào Việt Nam, người Pháp và người thế giới* của Hồ Chí Minh có câu: "*Than ôi, trước lòng bác ái, thì máu của người Pháp hay người Việt cũng đều là người*"(2).

Nhất quán với tư tưởng này trong việc giải quyết mâu thuẫn xã hội, Hồ Chí Minh chủ trương khai thác triệt để những điểm tương đồng giữa các mặt đối lập nhằm tìm kiếm một giải pháp có

tính chất *mềm dẻo, dễ dung hòa* để hướng tới mục tiêu chung là cùng có lợi, tránh đổ máu hoặc thiệt hại không cần thiết. Người đã vận dụng tài tình tư tưởng đó vào giải quyết các mâu thuẫn trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đồng thời coi đó là một phương pháp, một sách lược hết sức quan trọng để đạt mục tiêu to lớn của cách mạng nước ta là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Từ rất sớm trong cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh đã nhìn nhận sự vật dưới con mắt phân tích mâu thuẫn và giải quyết mâu thuẫn. Người thấy muốn chiến thắng được đế quốc Pháp thì phải hiểu rõ thực lực của kẻ thù và thực lực của ta, thấy được nguyên nhân làm nên sức mạnh của Pháp và nguyên nhân đưa tới sự yếu kém của dân tộc ta. Thực tế cho thấy, đế quốc Pháp hùng mạnh vì có nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, còn Việt Nam yếu vì đất nước còn bị giam hãm trong vòng sản xuất phong kiến lạc hậu. Do đó, mâu thuẫn giữa Việt Nam và Pháp không những là mâu thuẫn giữa hai nước, mà còn là mâu thuẫn giữa nền sản xuất tiên tiến với nền sản xuất lạc hậu. Trước Hồ Chí Minh chưa có một tấm gương nào của thế giới về một dân tộc thuộc địa, lạc hậu đánh thắng một đế quốc tư bản chủ nghĩa hùng mạnh. Tình thế đó đã thôi thúc Hồ Chí Minh

(1) Phạm Văn Đông. *Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, t.1. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.27.

(2) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.4. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.457.



tìm kiếm những biện pháp thích hợp, có ích cho sự nghiệp cách mạng. Nghiên cứu sâu hơn mối tương quan giữa ta và địch, Người vận dụng phép biện chứng tuần hoàn của phương Đông đã học được trong thời niên thiếu, như *âm cực dương hồi, bĩ cực thái lai, cùng tắc biến, biến tắc thông*... Đây là tư duy biện chứng mà trước đó đã được nhiều nhà hoạt động xã hội ở phương Đông nhiều thời đại xem xét và vận dụng. Tư duy biện chứng này đã gieo vào lòng Hồ Chí Minh một niềm tin có thể thay đổi được thực trạng đất nước. Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã tiếp nhận các nguyên lý, như nhìn nhận sự vật trong đấu tranh và thống nhất giữa các mặt đối lập, trong sự chuyển hóa về lượng thành những thay đổi về chất... và nhờ vào đó, Người đã đưa những quan niệm biện chứng phương Đông lên một bước mới, củng cố và nâng cao quyết tâm làm thay đổi tình hình đất nước.

Trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, vận dụng phép biện chứng duy vật vào phân tích xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra hai mâu thuẫn cơ bản: *Một là*, mâu thuẫn vốn có của xã hội phong kiến là mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến; *hai là*, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với bọn thực dân Pháp xâm lược. Từ đó, Hồ Chí Minh xác định, nhân dân Việt Nam có hai kẻ thù chính là đế quốc và phong kiến tay sai và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam có hai nhiệm vụ cơ bản là chống đế quốc giành lại độc

lập cho dân tộc và chống phong kiến để đem lại ruộng đất cho dân cày. Để giải quyết mâu thuẫn đối kháng trên, Hồ Chí Minh đã vận dụng phép biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin để phân tích mâu thuẫn xã hội. Người thấy rằng, các mặt đối lập làm nên mâu thuẫn ngoài tính đối lập ra, còn có tính thống nhất và tính thống nhất ở đây ngoài ý nghĩa là tiền đề tồn tại của các mặt đối lập, nó còn có sự đồng nhất ở một số điểm nào đó trong hai mặt đối lập. Từ đó, khi vận dụng vào việc giải quyết mâu thuẫn xã hội, Người đã đề cao chữ *đồng, mặt thống nhất, đoàn kết*... Người sử dụng phương pháp kết hợp các mặt đối lập để tạo nên sức mạnh đoàn kết trong nhân dân. Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Người thấy bên ta có lòng yêu nước, độc lập, dân chủ và yêu hòa bình, còn bên địch về cơ bản thì trái lại, nhưng xét ở một nhóm nào đó và trong trường hợp, hoàn cảnh nào đó thì bên địch cũng có những yếu tố trên, cụ thể là trong hàng ngũ của Pháp chống lại ta, cũng có những người đã từng là chiến sĩ đấu tranh cho độc lập của nước Pháp, đấu tranh để giải phóng nước Pháp khỏi ách chiếm đóng của phát xít Đức và vì thế, ở những người đó cũng ít nhiều có lòng trắc ẩn với dân tộc ta - đó là điểm tương đồng, thống nhất. Hoặc bên ta, tuy yêu nước nhưng có người vẫn còn lưu luyến với xã hội phong kiến và tư sản, số người này lại thống nhất lập trường với giai cấp bên kia... Nhìn rõ vấn đề này, Hồ Chí Minh đã khơi dậy tinh thần đoàn kết mọi lực lượng miễn là có lòng trung thành với Tổ quốc,



không phản lại quyền lợi của dân chúng.

Với chủ trương *kết hợp các mặt đối lập* trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân để giải quyết mâu thuẫn đối kháng giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược, Người đã đề cao sự đoàn kết, thống nhất các lực lượng nhân dân trong nước và đồng thời chủ trương đoàn kết, tranh thủ triệt để sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ Pháp và các nước trên thế giới, coi đó là sức mạnh để giải phóng dân tộc. Tư tưởng đoàn kết rộng rãi, chặt chẽ, lâu dài với tất cả những ai có thể đoàn kết được vì mục tiêu chung đã trở thành một nguyên tắc ở Hồ Chí Minh. Trên nguyên tắc này, Người đã đoàn kết tất cả những người yêu nước, không phân biệt xu hướng chính trị, tín ngưỡng, tôn giáo, không phân biệt họ thuộc đảng phái nào và quá khứ họ đã hợp tác với phe nào. Nhờ vậy, Người đã quy tụ được toàn thể nhân dân thuộc các giai cấp, tầng lớp, các dân tộc, tôn giáo, kể cả những người trước đây từng mắc lỗi lầm nhưng nay đã thực sự ăn năn, hối cải... tập hợp dưới ngọn cờ cách mạng, tạo thành khối đại đoàn kết toàn dân, có sức mạnh vô địch thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Ngoài chủ trương *kết hợp các mặt đối lập*, Hồ Chí Minh còn đưa ra sách lược phân hóa cao độ trong hàng ngũ địch, bằng cách tìm ra những mặt đối lập tạo nên mâu thuẫn gay gắt trong hàng ngũ của chúng để không những làm cho nhân dân căm ghét chúng hơn, mà còn làm cho chúng bị cô lập trên thế giới.

Khi cách mạng thành công, chính quyền đã về tay nhân dân, Hồ Chí

Minh lại một lần nữa giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong nội bộ lực lượng cách mạng, trong nội bộ nhân dân nhằm xây dựng, mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người nhấn mạnh, muốn làm được điều đó cần phải đấu tranh ngăn chặn những phần tử tiêu cực, thoái hóa, biến chất trong nội bộ Đảng, trong chính quyền cách mạng. Người xác định đây là vấn đề còn khó khăn gấp nhiều lần so với trong chiến tranh chống giặc ngoại xâm. Ở đây, một lần nữa, Người lại chú trọng đến chữ *đồng, mặt thống nhất, đoàn kết* thông qua *phương pháp kết hợp các mặt đối lập* được Người tiến hành một cách khách quan, biện chứng. Người viết: “Xem xét cán bộ, không chỉ xem xét ngoài mặt mà còn phải xem xét tính chất của họ. Không chỉ xem xét một việc, một lúc mà phải xem xét toàn cả lịch sử, toàn công việc của họ”(3). Tất cả những điểm chung, điểm tương đồng giữa các mặt đối lập của mâu thuẫn xã hội được Người vận dụng theo hướng có lợi cho sự nghiệp cách mạng: “Từ nay, công việc gì bất kỳ thành công hoặc thất bại, chúng ta cần phải nghiên cứu đến cội rễ, phân tách thật rõ ràng rồi kết luận. Kết luận đó sẽ là cái *thìa khoá phát triển công việc và để giúp cho cán bộ tiến tới*”(4). Người còn chỉ rõ, đối với mâu thuẫn nội bộ nhân dân thì thực hành dân chủ, đối với mâu thuẫn của đế quốc,

(3) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.302.

(4) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.243.



phong kiến và bè lũ phản động thì thực hành chuyên chính để đàn áp chúng.

Tư tưởng kết hợp các mặt đối lập của Hồ Chí Minh được thể hiện rõ trong chủ trương, đường lối, chiến lược và sách lược cách mạng của Người. Sau khi tìm thấy con đường cứu nước giải phóng dân tộc - con đường cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo phép biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, phù hợp với đặc điểm và điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin nhấn mạnh đấu tranh giai cấp và cho rằng giải phóng giai cấp là điều kiện cơ bản để giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh không giáo điều khi vận dụng tư tưởng đó, Người cho rằng, trong hoàn cảnh một nước thuộc địa nửa phong kiến như nước ta, giải phóng dân tộc sẽ tạo điều kiện để giải phóng giai cấp. Hồ Chí Minh nhận thấy, mâu thuẫn xã hội cơ bản nổi lên hàng đầu là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với chủ nghĩa thực dân đế quốc và bọn tay sai; dưới chế độ thống trị của thực dân đế quốc, trừ bọn Việt gian và phản động, các giai cấp và các tầng lớp trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, bao gồm giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp tư sản, tiểu tư sản, trí thức... tuy có lợi ích khác nhau, nhưng họ đều bị bóc lột nặng nề, đều có chung một nhu cầu và ý chí đánh đuổi đế quốc xâm lược, giành quyền lợi về cho giai cấp. Rằng, các giai cấp và các tầng lớp đó dù có những sự đối lập, sự khác biệt, nhưng họ vẫn có những điểm chung, tương đồng, từ đó Người đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Với chủ trương kết hợp

các mặt đối lập, kết hợp các giai cấp, tầng lớp khác nhau, đối lập nhau vì mục tiêu chung, Người đã tạo nên sự liên minh, đoàn kết cả cộng đồng dân tộc Việt Nam trên tinh thần nêu cao chủ nghĩa yêu nước, ý chí bất khuất, kiên cường của dân tộc và từ đó đã huy động được sức mạnh to lớn của cả cộng đồng dân tộc. Chính sức mạnh to lớn này đã đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thành công, tạo tiền đề cho cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng con người trong xã hội.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh không chỉ tiến hành kết hợp các mặt đối lập một cách có ý thức, mà còn luôn xác định, muốn cách mạng thành công phải kết hợp nhuần nhuyễn vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp. Ngay trong *Chính cương vắn tắt* của Đảng, Người đã chỉ rõ rằng, *làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*, có nghĩa là trước làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đánh đổ thực dân đế quốc và phong kiến, sau làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đặt ra nhiệm vụ đó, Người không chỉ nghĩ đến lợi ích dân tộc, mà còn thấy rằng, để bảo vệ lợi ích và kiên định lập trường của giai cấp công nhân thì trước hết phải giải phóng được dân tộc.

Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ cho những người cộng sản Việt Nam thấy rằng, sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân phụ thuộc vào sự thành công của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Sự nghiệp giải phóng dân tộc không hoàn thành thì muôn đời giai cấp cũng không được giải phóng. Để làm được điều đó,



Người đặt niềm tin vào sức mạnh toàn dân tộc, sức mạnh ở sự tập hợp đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, mọi tầng lớp xã hội, mọi giai cấp vào mục tiêu cách mạng. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của chúng ta phải trải qua kháng chiến lâu dài mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Tính chất của cuộc kháng chiến là toàn dân, toàn diện, phải huy động tối đa tiềm lực mọi mặt của toàn dân tộc. Và chính Người đã khơi dậy, động viên toàn dân giành chính quyền, làm nên Cách mạng tháng Tám vĩ đại. Kết hợp vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp, Người luôn đề cao truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam và thường ví đó như là năm ngón tay có ngón ngắn, ngón dài, sự giác ngộ cách mạng của từng người dân không phải đồng đều, nhưng tinh thần yêu nước thì ai cũng có, chỉ cần được khơi dậy, làm cho cái quý nằm trong tủ kính, trong bình pha lê, cất kín trong rương hòm được đưa ra trưng bày.

Vốn có niềm tin mãnh liệt ở lòng yêu nước, tự hào dân tộc của nhân dân ta, thấm sâu tư tưởng *lấy dân làm gốc* và từ nỗi đau mất nước, Hồ Chí Minh đã thấu hiểu hơn ai hết tinh thần quật cường của dân tộc ta để từ đó, phát huy tinh thần yêu nước của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, mặc dù quyền lợi và mục tiêu giai cấp của họ có khác nhau. Giai cấp công nhân luôn đặt ra cho mình mục tiêu lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, phong kiến, đưa giai cấp mình bước lên vũ đài chính trị, đảm đương sứ mệnh lịch sử giải phóng các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội; giai cấp nông dân thì đặt ra mục tiêu

lấy lại ruộng đất đã bị địa chủ phong kiến tước đoạt; mục tiêu của tầng lớp tiểu tư sản là được tự do buôn bán, kinh doanh; còn tầng lớp trí thức thì đòi quyền tự do tư tưởng, tự do sáng tác, tự do phản ánh đời sống hiện thực... Mặc dù khác nhau, không đồng nhất về mục tiêu, quyền lợi, nhưng họ có chung kẻ thù, đều có tinh thần yêu nước, vì thế họ cố kết với nhau để cùng chống thù trong, giặc ngoài vì mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Nhận thức rõ điều đó, Hồ Chí Minh chủ trương lấy cái chung, cái tương đồng khắc phục cái riêng, cái dị biệt làm cho các tầng lớp nhân dân nhường nhịn nhau, hòa thuận với nhau, toàn dân cùng đoàn kết, không chia già trẻ, giàu nghèo để giữ gìn nền độc lập, chống kẻ thù chung.

Ở Hồ Chí Minh, tư duy biện chứng còn được hình thành và phát triển nhờ chịu ảnh hưởng sâu sắc triết học phương Đông và phép biện chứng mácxít. Tư duy biện chứng đó được biểu hiện rõ trong tư tưởng của Người về mối quan hệ giữa cái bất biến và cái vạn biến. Sự kết hợp linh hoạt, hài hoà giữa cái bất biến với cái vạn biến đã được Người quán triệt trong mọi đường lối, chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam. Cái bất biến trong tư duy Hồ Chí Minh được coi là quy luật, là cái tồn tại lâu dài, còn cái vạn biến là hiện tượng, là sự biểu hiện đa dạng của quy luật, cho nên có thể dựa vào quy luật mà lý giải hiện tượng, hay ngược lại từ phân tích vô vàn hiện tượng để tìm ra quy luật tương ứng. Và khi coi cái bất biến là cái thống nhất, là mặt ổn định



của sự vật, Người thường bắt đầu từ cái bất biến để đi tới cái khả biến của xã hội và con người.

Trước khi sang Pháp (năm 1946), Hồ Chí Minh chỉ dặn lại cụ Huỳnh một câu: *Mong cụ ở nhà, dĩ bất biến, ứng vạn biến*. Đó chính là điều Người đang nói đến mối quan hệ giữa mục tiêu và phương pháp, nguyên tắc và sách lược. Mục tiêu độc lập và thống nhất Tổ quốc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân là điều bất biến; còn phương pháp, sách lược có thể tùy tình hình mà biến hóa đa dạng, thay đổi linh hoạt nhưng không xa rời cái bất biến. Người nói: *Mục đích bất di bất dịch của ta vẫn là hòa bình, thống nhất, độc lập dân tộc, nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì linh hoạt*. Nhờ vận dụng phương pháp biện chứng này một cách hiệu quả trong chỉ đạo cách mạng, Người đã đưa cách mạng nước ta đi tới những thắng lợi to lớn.

Xuất phát từ tư duy biện chứng về mối quan hệ giữa cái bất biến và cái vạn biến (cái khả biến), Hồ Chí Minh đã kết hợp một cách có ý thức hai mặt đối lập - cái bất biến và cái khả biến; đó cũng là thể hiện sự kết hợp giữa tính kiên định về nguyên tắc với tính mềm dẻo, linh hoạt về sách lược, lấy cái đại đồng để khắc phục cái tiểu dị, biến nó thành đường lối chỉ đạo cách mạng đi đến thắng lợi. Đúng như một nhà báo Pháp đã nhận xét: “Chính sự kết hợp mà không ai bắt chước nổi giữa tính mềm dẻo với tính cương nghị, giữa tính linh hoạt về chính trị với tính cứng rắn về nguyên tắc, giữa việc vận dụng truyền thống yêu nước với sự phân tích

mácxít đã tạo nên tính độc đáo của ông Hồ Chí Minh”(5).

Khi kế thừa trực tiếp tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là tư tưởng của V.I.Lênin về *sự kết hợp các mặt đối lập*, cùng với phương pháp tư duy mềm dẻo, biện chứng truyền thống theo kiểu phương Đông, Hồ Chí Minh nhìn thấy các mặt đối lập không phải là những đại lượng tĩnh tại, mà luôn biến động và thay đổi, chuyển hóa; giữa các mặt đối lập đó, bên cạnh những điểm *khác biệt*, còn có những điểm *tương đồng*. Từ cơ sở đó, Người vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin để liên kết các giai cấp, tầng lớp đối lập nhau trong xã hội thành một khối thống nhất, tạo nên sức mạnh đánh thắng kẻ thù, giành chính quyền về tay giai cấp vô sản, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh về phương pháp kết hợp các mặt đối lập là một phần quan trọng trong phương pháp biện chứng Hồ Chí Minh, nổi bật là sự kết hợp giữa cái bất biến và cái khả biến, giữa tính kiên định về nguyên tắc với tính mềm dẻo, linh hoạt về sách lược, lấy cái *đại đồng* để khắc phục cái *tiểu dị*, đi từ dân tộc đến giai cấp nhằm mục tiêu đại đoàn kết toàn dân tộc, phân hóa và cô lập kẻ thù, giành thắng lợi cho dân tộc để từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Phương pháp *kết hợp các mặt đối lập* của Hồ Chí Minh có ý nghĩa

(5) Dẫn theo: Song Thành. *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*. Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2004, tr.336.



hết sức to lớn đối với công cuộc đổi mới của chúng ta hiện nay, đặc biệt là trong bối cảnh quốc tế đang có những bước chuyển biến nhanh chóng và phức tạp như hiện nay. Chú trọng chữ *đồng, mặt thống nhất, đoàn kết* trong giải quyết mâu thuẫn xã hội ở Hồ Chí Minh hoàn toàn xa lạ với thái độ thỏa hiệp, cũng không phải là sự kết hợp có tính chất chiết trung, cải lương hay là quan điểm sai lầm, xóa bỏ nguyên tắc đấu tranh giữa các mặt đối lập, mà là sự kết hợp khoa học, biện chứng. Với tư duy biện chứng đó, Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng việc *kết hợp các mặt đối lập* như một sách lược, một biện pháp, một nghệ thuật để giải quyết các mâu thuẫn xã hội.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược đã chứng tỏ đường lối, sách lược và chiến lược của Hồ Chí Minh là đúng đắn. Đồng thời, thắng lợi đó cũng chứng tỏ tư duy kết hợp các mặt đối lập của Người đã đem lại hiệu quả thiết thực, làm tăng cường khối liên minh công, nông, trí thức và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất; và cho thấy sự kết hợp vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp là hoàn toàn đúng.

Ngày nay, vấn đề liên minh giai cấp, đoàn kết cộng đồng dân tộc, kết hợp vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp vẫn còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công cuộc đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, Đảng ta vẫn tiếp tục thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm kết hợp hài hòa lợi

ích của các bộ phận, tầng lớp nhân dân trên cơ sở đảm bảo độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, trong đó tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Còn đối với các thành phần kinh tế khác, Đảng có chủ trương, chính sách cụ thể nhằm khai thác hiệu quả các tiềm năng của chúng đem lại lợi ích cho nhân dân và vì mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Trên lĩnh vực chính trị, Đảng chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, mang bản chất của giai cấp công nhân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Điều đó vừa thể hiện bản chất giai cấp công nhân của Đảng cầm quyền, vừa phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc. Đảng và Nhà nước ta cũng luôn khẳng định mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác, đoàn kết nhằm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí thức vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trên lĩnh vực văn hóa là sự kết hợp giữa gìn giữ, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc với việc tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại. Cho đến nay, trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào, Đảng ta cũng luôn xác định dân tộc chứa đựng một sức mạnh to lớn, giải quyết vấn đề dân tộc không thể tách rời lập trường giai cấp vô sản, nền độc lập thực sự của dân tộc chỉ có thể được đảm bảo một cách bền vững khi gắn liền với mục tiêu, lý tưởng của giai cấp công nhân. □